**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**A blue and yellow logo

Description automatically generated**

**BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN**

**ĐỀ TÀI: QUẢN LÝ BÁN VÉ XEM PHIM**

|  |  |
| --- | --- |
| Giảng viên hướng dẫn | TS. Lại Mạnh Dũng |
| Sinh viên thực hiện | Nguyễn Tuấn Anh (nhóm trưởng)  Phạm Thị Hoài Anh  Đinh Thị Ngọc Thủy  Bùi Đức Trường  Trương Thị Luyến |
| Lớp | CNTTVA2-K64 |
| Khoa | Đào tạo quốc tế |

Hà Nội, tháng 11 năm 2024

# **MỤC LỤC**

**MỤC LỤC** 2

**PHẦN 1: ĐỀ TÀI** 4

**1.1. Sơ lược về hệ thống** 4

**1.2. Nghiệp vụ của hệ thống** 4

**PHẦN 2: KHẢO SÁT PHÂN TÍCH** 6

**2.1. Các website có cùng chủ đề** 6

**2.2. Trình bày các đối tượng sử dụng** 7

**PHẦN 3: THIẾT KẾ** 10

**3.1. Use-case diagram** 10

**3.2. Sơ đồ sitemap** 11

**3.3. Wireframe cho mỗi trang website** 12

**PHẦN 4: TRIỂN KHAI** 17

**4.1. Cấu trúc thư mục dự án** 17

**4.2. Giao diện thu được của mỗi một trang trong website** 19

**PHẦN 5: KIỂM THỬ** 28

**5.1. Mục tiêu phát hiện lỗi trong quá trình thiết kế** 28

**5.2. Cách thức xây dựng các test case link, effect, data validation** 28

**PHẦN 6: TỰ ĐÁNH GIÁ** 30

**6.1. Tự đánh giá điểm nhóm** 30

**6.2. Bảng tự đánh giá điểm nhóm** 30

**DANH MỤC HÌNH ẢNH**

Hình 3.1. Use-case diagram đăng nhập 10

Hình 3.2. Use-case diagram đăng ký 11

Hình 3.3. Wireframe trang chủ 12

Hình 3.4. Wireframe trang đăng ký 12

Hình 3.5. Wireframe trang đăng nhập 13

Hình 3.6. Wireframe cho trang danh sách các bộ phim 13

Hình 3.7. Wireframe cho trang trailer 14

Hình 3.8. Wireframe cho trang thông tin phim 14

Hình 3.9. Wireframe cho trang Events 15

Hình 3.9. Wireframe cho trang contact 15

Hình 3.10. Wireframe cho trang đặt vé xem phim 16

Hình 4.1. Thư mục css 17

Hình 4.2. Thư mục js 17

Hình 4.3. Tài khoản 18

Hình 4.4. Đăng nhập, đăng ký 18

Hình 4.5. Mua vé 18

Hình 4.6. Movie 19

Hình 4.7. Movie-genres 19

Hình 4.8. Thông tin bộ phim 19

Hình 4.9. Giao diện trang chủ 20

Hình 4.10. Giao diện trang events 21

Hình 4.11. Giao diện trang movie 22

Hình 4.12. Giao diện trang thông tin phim 23

Hình 4.13. Giao diện trang contact 24

Hình 4.14. Giao diện trang đặt vé 25

Hình 4.15. Giao diện trang mua vé 26

Hình 4.16. Giao diện trang đăng nhập 26

Hình 4.17. Giao diện trang đăng ký 27

# **PHẦN 1: ĐỀ TÀI**

## **1.1. Sơ lược về hệ thống**

1.1.1. Giao diện người dùng (UI):

* Trang chủ: Cung cấp cái nhìn tổng quan về các sự kiện phim, thông tin phòng vé.
* Trang danh mục sự kiện: Liệt kê các sự kiện sắp tới với các chi tiết cụ thể về thời gian, địa điểm, và mô tả ngắn gọn về từng sự kiện của phim.
* Trang sự kiện phim chi tiết: Hiển thị chi tiết về từng sự kiện với các hình ảnh, mô tả chi tiết, thời gian, địa điểm và các thông tin khác nhằm thu hút người tham gia.

1.1.2. Hệ thống quản lý người dùng:

* Đăng ký và đăng nhập: Cho phép người dùng tạo tài khoản hoặc đăng nhập để quản lý thông tin sự kiện và vé.
* Quản lý hồ sơ cá nhân: Cho phép chỉnh sửa thông tin cá nhân, theo dõi các sự kiện đã đăng ký hoặc lưu trữ.

1.1.3. Quản lý sự kiện và nội dung:

* Quản lý sự kiện: Hỗ trợ quản trị viên thêm, sửa đổi hoặc xóa các sự kiện để cập nhật nội dung theo từng giai đoạn.
* Quản lý nội dung: Bao gồm quản lý hình ảnh sự kiện, thông tin mô tả chi tiết, và các tài liệu kèm theo.

1.1.4. Giao diện hiển thị tin tức:

* Hiển thị các tin tức mới: Cung cấp phần tin tức cho người dùng với các chủ đề cập nhật liên quan đến các diễn viên, sự kiện hoặc tin tức nổi bật trong ngành.
* Phân trang tin tức: Sắp xếp và hiển thị thông tin một cách khoa học, giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm tin tức, thông tin phim, vé phim.

## **1.2. Nghiệp vụ của hệ thống**

1.2.1. Quản lý Người Dùng và Tài Khoản

* Đăng ký và đăng nhập cho người dùng.
* Quản lý thông tin cá nhân, thay đổi mật khẩu, và cập nhật hồ sơ.
* Xác thực và phân quyền người dùng.

1.2.2. Quản lý sự kiện và nội dung trang web vé phim:

* Thêm, sửa, và xóa sự kiện.
* Cập nhật nội dung sự kiện như ngày giờ, địa điểm, và thông tin chi tiết của phim.
* Phân loại sự kiện theo các loại hình khác nhau để tiện lợi cho người dùng tìm kiếm.

1.2.3. Tương tác người dùng với web bán vé:

* Cung cấp giao diện thân thiện, dễ sử dụng để người dùng duyệt và đặt vé nhanh chóng.
* Tạo danh sách sự kiện mới nhất để thu hút người dùng và nâng cao trải nghiệm.

1.2.4. Quản trị hệ thống:

* Quản lý người dùng và phân quyền truy cập.
* Theo dõi và quản lý các đơn đặt vé, bao gồm trạng thái thanh toán.
* Đảm bảo hệ thống được bảo mật và thông tin người dùng an toàn.

1.2.5. Giao diện người dùng dễ sử dụng:

* Thiết kế giao diện người dùng thân thiện, dễ sử dụng, tương tác và thúc đẩy tính tham gia của người dùng.

# **PHẦN 2: KHẢO SÁT PHÂN TÍCH**

## **2.1. Các website có cùng chủ đề**

2.1.1. CGV Cinemas (<https://www.cgv.vn/>)

* **Giao diện**: Hiện đại với màu sắc dễ chịu, tập trung vào poster phim mới nhất.
* **Tính năng**: Hỗ trợ đặt vé, chọn ghế, và thanh toán online. Các bộ phim được phân loại theo thể loại, ngày chiếu, và giờ chiếu.
* **Điểm nổi bật**: Có trang dành riêng để giới thiệu diễn viên, trailer phim, và đánh giá của người xem.

2.1.2. Lotte Cinema (<https://lottecinemavn.com/LCHS/Contents/Movie/Movie-List.aspx>)

* **Giao diện**: Sử dụng màu sắc đậm, giúp nội dung dễ nổi bật, phần đặt vé rõ ràng.
* **Tính năng**: Đặt vé nhanh, hệ thống đánh giá phim, hỗ trợ xem lịch chiếu theo từng rạp cụ thể.
* **Điểm nổi bật**: Các bộ phim được đánh giá theo cảm nhận người xem, kèm theo hình ảnh diễn viên chính, giới thiệu chi tiết nội dung..

2.1.3. Galaxy Cinema (<https://www.galaxycine.vn/> ):

* **Giao diện**: Tập trung vào sự đơn giản và hiện đại, với thông tin phim được sắp xếp khoa học.
* **Tính năng**: Đặt vé theo từng rạp và vị trí địa lý, ưu đãi cho thành viên.
* **Điểm nổi bật**: Có hệ thống phân loại phim theo độ tuổi, review chi tiết và thông tin các diễn viên.

2.1.4. BHD Star Cineplex (<https://www.bhdstar.vn/> ):

* **Giao diện**: Màu sắc tươi sáng, dễ nhìn với hình ảnh chất lượng cao của các phim đang chiếu.
* **Tính năng**: Đặt vé trực tuyến, tích điểm cho thành viên, và thông tin chi tiết về phim.
* **Điểm nổi bật**: Cung cấp bài viết giới thiệu diễn viên và ê-kíp sản xuất phim, có mục riêng để theo dõi khuyến mãi.

2.1.5. Beta Cinemas (<https://betacinemas.vn/home.htm> ):

* **Giao diện**: Đơn giản nhưng hiện đại, dễ tìm kiếm các bộ phim và khung giờ chiếu.
* **Tính năng**: Hỗ trợ đặt vé và theo dõi lịch chiếu. Có ưu đãi riêng cho học sinh, sinh viên.
* **Điểm nổi bật**: Cung cấp nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn, ưu đãi khi đặt vé theo nhóm và dành cho thành viên.

2.1.6. **My Cinemas** (<https://www.filmlinc.org/films/my-cinemas/> ):

* **Giao diện**: Thiết kế tối giản, tập trung vào các thông tin phim và giờ chiếu.
* **Tính năng**: Đặt vé trực tuyến, cung cấp lịch chiếu chi tiết và thông tin phim.
* **Điểm nổi bật**: Thông tin đầy đủ về diễn viên và phim, giúp người dùng dễ dàng chọn phim phù hợp với sở thích.

## **2.2. Trình bày các đối tượng sử dụng**

2.2.1. **Khách hàng thông thường**

* **Đặc điểm**: Là người dùng phổ thông muốn đặt vé xem phim một cách nhanh chóng, đơn giản.
* **Mục tiêu**: Xem thông tin phim, chọn lịch chiếu và rạp phù hợp, đặt vé và chọn chỗ ngồi.
* **Hướng sử dụng**:
  + - **Truy cập trang chủ** để xem các phim mới và khuyến mãi.
    - **Chọn phim**: Bấm vào poster phim để xem chi tiết (thể loại, diễn viên, trailer).
    - **Chọn rạp, giờ chiếu và ghế**: Hệ thống hiển thị lịch chiếu và sơ đồ ghế để chọn.
    - **Thanh toán trực tuyến**: Sử dụng các phương thức thanh toán trực tiếp trên trang.

2.2.2. **Thành viên VIP hoặc khách hàng trung thành**

* **Đặc điểm**: Những người thường xuyên đi xem phim và đăng ký tài khoản thành viên để nhận ưu đãi.
* **Mục tiêu**: Được hưởng các ưu đãi thành viên, điểm tích lũy, giảm giá, và dịch vụ nhanh chóng.
* **Hướng sử dụng**:
* **Đăng nhập tài khoản**: Truy cập trang để nhận các ưu đãi đặc quyền.
* **Sử dụng điểm tích lũy**: Điểm có thể đổi vé hoặc đồ ăn, nước uống tại rạp.
* **Nhận thông báo khuyến mãi**: Theo dõi các chương trình dành riêng cho thành viên.

2.2.3. **Khách hàng gia đình hoặc nhóm bạn**

* **Đặc điểm**: Đi xem phim theo nhóm, thường là các gia đình hoặc nhóm bạn bè muốn có vị trí ngồi thuận lợi.
* **Mục tiêu**: Đặt nhiều vé cùng một lúc, chọn vị trí ngồi thuận tiện cho cả nhóm.
* **Hướng sử dụng**:
* **Xem và chọn ghế nhóm**: Chọn sơ đồ chỗ ngồi theo nhu cầu của cả nhóm, tính năng hiển thị sơ đồ ghế nổi bật.
* **Chọn suất chiếu phù hợp**: Lựa chọn các suất chiếu vào thời gian phù hợp để tiện cho nhóm.
* **Nhận ưu đãi nhóm**: Đôi khi có ưu đãi giảm giá khi mua vé nhóm hoặc gói combo đồ ăn nước uống.

2.2.4. **Nhà phê bình hoặc người đam mê phim ảnh**

* **Đặc điểm**: Quan tâm sâu về nội dung phim, diễn viên, đạo diễn và các đánh giá phim.
* **Mục tiêu**: Đọc đánh giá, xem trailer, tìm hiểu sâu về diễn viên và nội dung phim.
* **Hướng sử dụng**:
* **Xem chi tiết phim**: Truy cập phần giới thiệu phim để xem trailer, đánh giá, nhận xét từ các nhà phê bình.
* **Xem tiểu sử diễn viên**: Phần giới thiệu diễn viên, đội ngũ sản xuất, và các bộ phim khác có liên quan.
* **Đọc bình luận của người xem**: Đọc nhận xét từ cộng đồng và người xem khác để hiểu thêm về nội dung phim.

2.2.5. **Quản trị viên của website**

* **Đặc điểm**: Người quản lý các nội dung trên trang web như phim, lịch chiếu, khuyến mãi, và chăm sóc khách hàng.
* **Mục tiêu**: Cập nhật nội dung phim, lịch chiếu, khuyến mãi, và quản lý hệ thống.
* **Hướng sử dụng**:
* **Cập nhật phim mới**: Thêm phim mới, quản lý các suất chiếu, rạp, và lịch trình.
* **Quản lý tài khoản người dùng**: Theo dõi các tài khoản thành viên, giải quyết các vấn đề đăng ký và bảo mật.
* **Hỗ trợ khách hàng**: Đáp ứng các yêu cầu và hỗ trợ người dùng khi gặp sự cố về vé, thanh toán, hoặc các thắc mắc khác.

# **PHẦN 3: THIẾT KẾ**

## **3.1. Use-case diagram**

3.1.1. Use-case: Đăng nhập

* Mô tả: Người dùng đăng nhập vào hệ thống.
* Hành động:
* Người dùng cung cấp thông tin đăng nhập (email và mật khẩu).
* Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập.
* Hệ thống cho phép người dùng truy cập vào hệ thống.

A diagram of a diagram

Description automatically generated

#### Hình 3.1. Use-case diagram đăng nhập

3.1.2. Use-case: Đăng ký

* Mô tả: Người dùng đăng ký vào hệ thống
* Hành động:
  + Người dùng cung cấp thông tin đăng ký (email và mật khẩu)
  + Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập
  + Hệ thống cho phép người dùng truy cập vào hệ thống

A diagram of a diagram

Description automatically generated

#### Hình 3.2. Use-case diagram đăng ký

## **3.2. Sơ đồ sitemap**

A diagram of a company

Description automatically generated

## **3.3. Wireframe cho mỗi trang website**

3.3.1. Wireframe cho trang chủ

A screenshot of a web page

Description automatically generated

#### Hình 3.3. Wireframe trang chủ

3.3.2. Wireframe cho trang đăng nhập, đăng ký

A grey square sign in with white text

Description automatically generated with medium confidence

#### Hình 3.4. Wireframe trang đăng ký

A screenshot of a login screen

Description automatically generated

#### Hình 3.5. Wireframe trang đăng nhập

3.3.3. Wireframe cho trang cá nhân

3.3.4. Wireframe cho các trang quản lý bán vé xem phim

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 3.6. Wireframe cho trang danh sách các bộ phim

A screenshot of a movie

Description automatically generated

#### Hình 3.7. Wireframe cho trang trailer

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 3.8. Wireframe cho trang thông tin phim

A screenshot of a website

Description automatically generated

#### Hình 3.9. Wireframe cho trang Events

A screenshot of a web page

Description automatically generated

#### Hình 3.9. Wireframe cho trang contact

A screenshot of a ticket

Description automatically generated

#### Hình 3.10. Wireframe cho trang đặt vé xem phim

# **PHẦN 4: TRIỂN KHAI**

Trang web được xây dựng bởi ngôn ngữ Javascript và HTML, CSS.

## **4.1. Cấu trúc thư mục dự án**

4.1.1. Cấu trúc dự án thư mục css

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.1. Thư mục css

4.1.2. Cấu trúc dự án thư mục js

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.2. Thư mục js

4.1.3. Cấu trúc dự án thư mục tài khoản

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.3. Tài khoản

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.4. Đăng nhập, đăng ký

4.1.4. Cấu trúc dự án thư mục mua vé

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.5. Mua vé

4.1.5. Cấu trúc dự án thư mục movie

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.6. Movie

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.7. Movie-genres

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.8. Thông tin bộ phim

## **4.2. Giao diện thu được của mỗi một trang trong website**

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

#### Hình 4.9. Giao diện trang chủ

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.10. Giao diện trang events

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.11. Giao diện trang movie

A screen shot of a movie

Description automatically generated

#### Hình 4.12. Giao diện trang thông tin phim

A screenshot of a computer

Description automatically generated

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.13. Giao diện trang contact

A screen shot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.14. Giao diện trang đặt vé

A screenshot of a computer

Description automatically generated

#### Hình 4.15. Giao diện trang mua vé

A screenshot of a login screen

Description automatically generated

#### Hình 4.16. Giao diện trang đăng nhập

A screen shot of a login form

Description automatically generated

#### Hình 4.17. Giao diện trang đăng ký

# **PHẦN 5: KIỂM THỬ**

## **5.1. Mục tiêu phát hiện lỗi trong quá trình thiết kế**

1. **Phát hiện lỗi:** Mục tiêu chính là phát hiện các lỗi, thiếu sót hoặc vấn đề trong quá trình thiết kế trước khi sản phẩm hoặc dự án được triển khai. Điều này giúp giảm thiểu chi phí và thời gian cần thiết để sửa lỗi sau khi sản phẩm đã hoàn thành.
2. **Đảm bảo tính toàn vẹn của thiết kế**: Mục tiêu là đảm bảo rằng thiết kế sản phẩm hoặc dự án đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và mục tiêu đã đặt ra và không bị ảnh hưởng bởi các lỗi hoặc vấn đề.
3. **Tối ưu hóa hiệu suất và hiệu quả**: Kiểm tra và sửa các lỗi hoặc thiết kế không hiệu quả để đảm bảo rằng sản phẩm sẽ hoạt động một cách hiệu quả và đáp ứng yêu cầu hiệu suất.
4. **Nâng cao trải nghiệm người dùng**: Mục tiêu bao gồm kiểm tra và cải thiện các khía cạnh liên quan đến trải nghiệm của người dùng, đảm bảo rằng sản phẩm sẽ cung cấp một trải nghiệm tốt và không gặp vấn đề khi sử dụng.
5. **Đảm bảo tính bảo mật và bảo mật thông tin**: Kiểm tra thiết kế để đảm bảo tính bảo mật của sản phẩm và không có lỗ hổng bảo mật nào.
6. **Kiểm tra và sửa các lỗi logic hoặc bug**: Mục tiêu là tìm kiếm và sửa các lỗi logic trong thiết kế, cũng như các lỗi gây ra bởi những quyết định thiết kế không chính xác.
7. **Kiểm tra tính thực thi của thiết kế**: Đảm bảo rằng thiết kế sẽ hoạt động một cách chính xác và không gây ra vấn đề trong quá trình triển khai và sử dụng.

## **5.2. Cách thức xây dựng các test case link, effect, data validation**

5.2.1. Xác định chức năng cần kiểm tra

* Xác định các chức năng quan trọng mà bạn muốn kiểm tra trên trang web. Ví dụ: đăng nhập, đăng ký tài khoản, tìm kiếm khóa học, xem thông tin khóa học, v.v…

5.2.2. Phân loại cái test case

* Phân loại các test case thành ba nhóm chính sau:
  + Link testing (Kiểm tra tính đúng đắn của các liên kết):
    - Kiểm tra các liên kết trong trang web để đảm bảo rằng chúng đang hoạt động chính xác và không dẫn đến các trang lỗi hoặc không tồn tại.
    - Đảm bảo rằng khi người dùng nhấp vào một liên kết, họ sẽ được chuyển hướng đúng đến trang mục tiêu mong muốn.
  + Effect testing (Kiểm tra hiệu ứng của các chức năng):
    - Kiểm tra xem các chức năng trên trang web hoạt động như mong đợi hay không. Ví dụ: đăng nhập thành công, hiển thị đúng thông tin khóa học, thêm sản phẩm vào giỏ hàng thành công, v.v.
    - Đảm bảo rằng các chức năng không gây ra lỗi hoặc tình trạng không mong muốn khác.
  + Data validation (Kiểm tra nhập liệu):
    - Kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu được nhập vào các trường đầu vào. Ví dụ: kiểm tra xem quá trình đăng ký có yêu cầu các trường bắt buộc và xử lý chính xác các điều kiện nhập.
    - Đảm bảo rằng dữ liệu người dùng được xử lý đúng cách và ngăn chặn việc nhập liệu sai hay tấn công từ phía người dùng.

5.2.3. Xây dựng test case

Dựa trên các nhóm test case đã phân loại ở bước trước, có thể tạo các test case cụ thể. Mỗi test case nên bao gồm các bước để tái hiện hành động của người dùng và kiểm tra kết quả.

* Đăng nhập bằng tài khoản hợp lệ.
* Kiểm tra xem trang chủ hiển thị đúng thông tin cá nhân của người dùng đã đăng nhập hay không.
* Kiểm tra các hiệu ứng trực quan (chuyển đổi hiệu ứng slide) để đảm bảo chúng hoạt động đúng như mong đợi.
* Đảm bảo rằng các hiệu ứng không gây ảnh hưởng tiêu cực đến trải nghiệm người dùng (ví dụ: không gây chói mắt, không gây rắc rối.

# **PHẦN 6: TỰ ĐÁNH GIÁ**

## **6.1. Tự đánh giá điểm nhóm**

6.1.1. Thành thạo công nghệ

* Sử dụng HTML hoàn thành trang web.
* Sử dụng CSS để xây dựng layout trang web, responsive và giao diện các chức năng của trang web.

6.1.2. Báo cáo

* Bài báo cáo sử dụng mục lục tự động, danh mục hình ảnh tự động, danh mục bảng biểu tự động,…
* Nội dung báo cáo tương đối đầy đủ.

6.1.3. Kỹ năng

* Nhóm có khả năng tự đọc tài liệu, tự học, tự tìm hiểu các framework và áp dụng.
* Nhóm có khả năng phối hợp, làm việc nhóm.
* Nhóm có khả năng sử dụng tiếng Anh.

## **6.2. Bảng tự đánh giá điểm nhóm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ tên | d1. Thành thạo công nghệ | | | | d2. Báo cáo | | | d3. Kỹ năng | | | | TB |
|  | 1.1 | 1.2 | 1.3 | 1.4 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 3.1 | 3.2 | 3.3 | 3.4 |  |
| Nguyễn Tuấn Anh | 10 | 10 | 9.5 | 9.83 | 9 | 9 | 9 | 10 | 10 | 9.5 | 9.83 | 9.62 |
| Phạm Thị Hoài Anh | 10 | 9.5 | 8.5 | 9.3 | 9 | 9 | 9 | 10 | 10 | 9.5 | 9.83 | 9.36 |
| Đinh Thị Ngọc Thủy | 10 | 9.5 | 8.5 | 9.3 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 9.5 | 9.83 | 9.6 |
| Bùi Đức Trường | 10 | 9.5 | 8.5 | 9.3 | 9 | 9 | 9 | 10 | 10 | 9.5 | 9.83 | 9.36 |
| Trương Thị Luyến | 10 | 9.5 | 8.5 | 9.3 | 9 | 9 | 9 | 10 | 10 | 9.5 | 9.83 | 9.36 |